CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HSX: HAG)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	10,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.9%	-11.4%	-14.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,650 - 15,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,473
Số lượng CPLH (CP)	1,057,399,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,702,530
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	1.17
EPS	1,717
P/E	6.3

Tỷ suất lợi nhuận

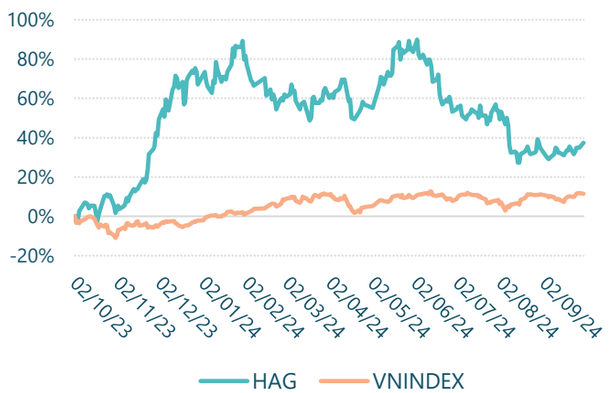

Doanh thu thuần

Q3/24

1,432

tỷ VNĐ

QoQ: ▼89.0 | -5.9%

YoY: ▼457 | -24.2%

Nợ/VCSH

Q3/24

151%

YoY: +/-▼ 0.4%

LN gộp

Q3/24

609

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 127 | 26.4%

YoY: ▲ 90.0 | 17.4%

ROE (TTM)

Q3/24

25.0%

YoY: +/-▼ 1.4%

LN trước thuế

Q3/24

351

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 92.0 | 35.5%

YoY: ▲ 9.00 | 2.6%

ROA (TTM)

Q3/24

8.3%

YoY: +/-▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh Q3/24

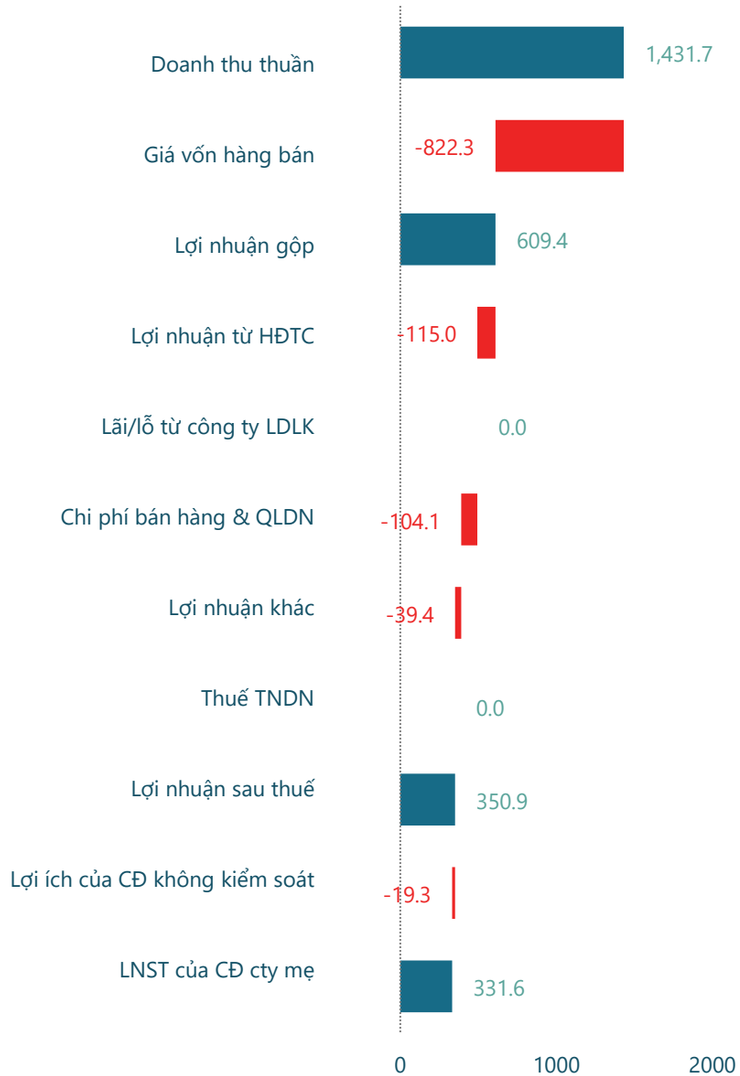

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HSX: HAG)

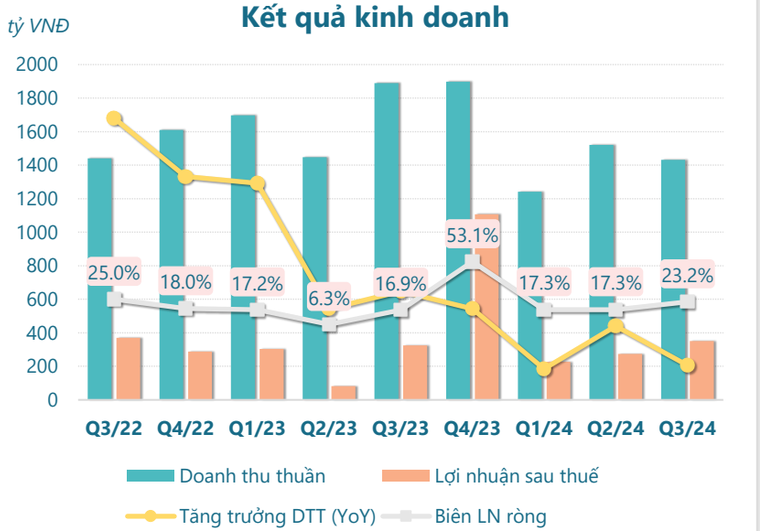

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 390.3 tỷ đồng**, tăng thêm 42.0% so với kỳ trước và cao hơn 81.2% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 115.0 tỷ đồng** giảm đi 42.33 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 81.83 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 39.40 tỷ đồng** giảm đi 23.73 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 131% so với cùng kỳ năm trước.

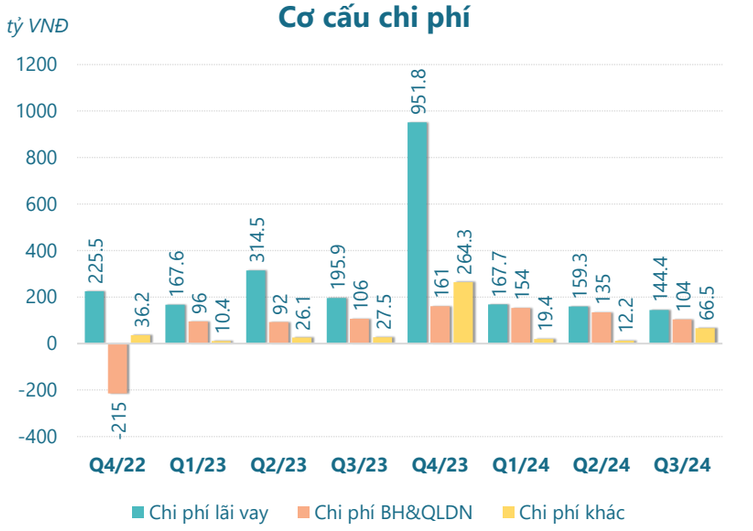

Kết quả kinh doanh của **HAG** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,432 tỷ đồng** giảm đi **24.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 350.9 tỷ đồng**, **tăng trưởng 8.12%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **4,194 tỷ đồng** thấp hơn 16.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 851.0 tỷ đồng** cao hơn 19.9% so với cùng kỳ năm trước.

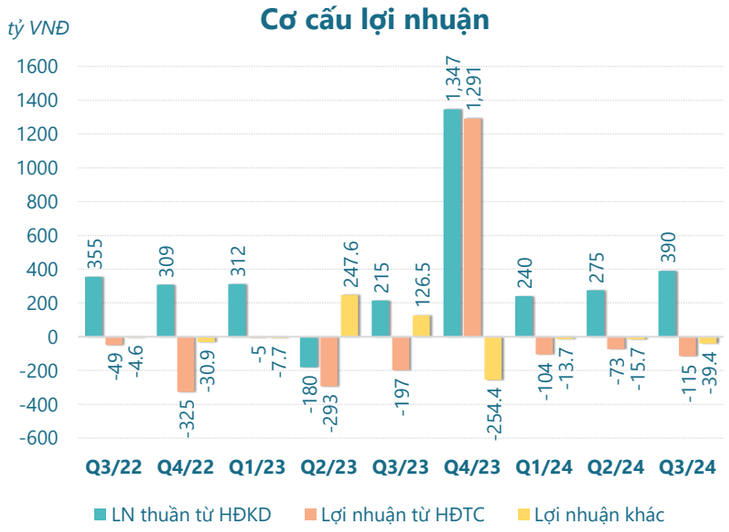

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **144.4 tỷ đồng** giảm đi 9.33% so với kỳ trước và thấp hơn 26.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **104.1 tỷ đồng** giảm đi 22.8% so với kỳ trước và thấp hơn 2.28% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **66.51 tỷ đồng** tăng thêm 444% so với kỳ trước và cao hơn 142% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HSX: HAG)

FireAnt
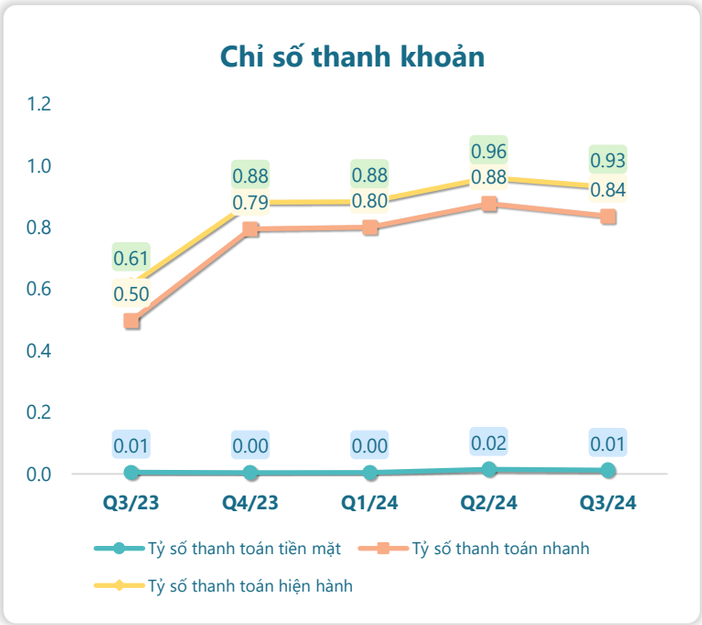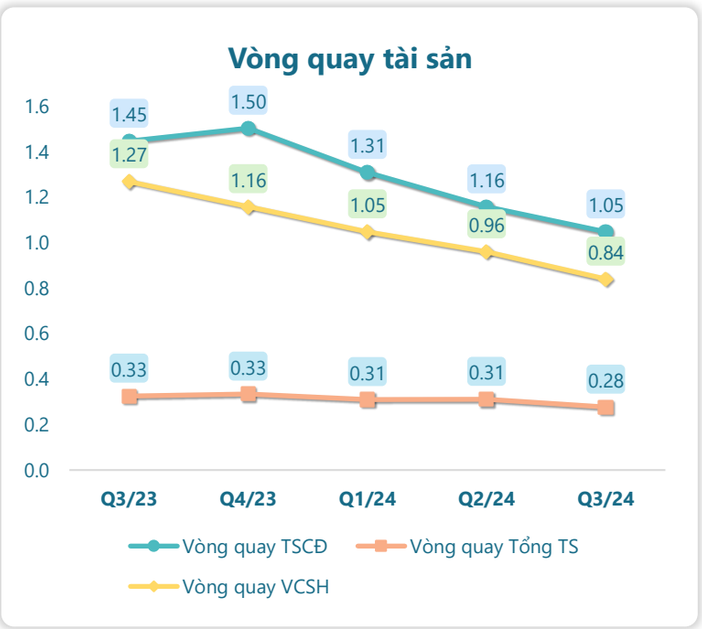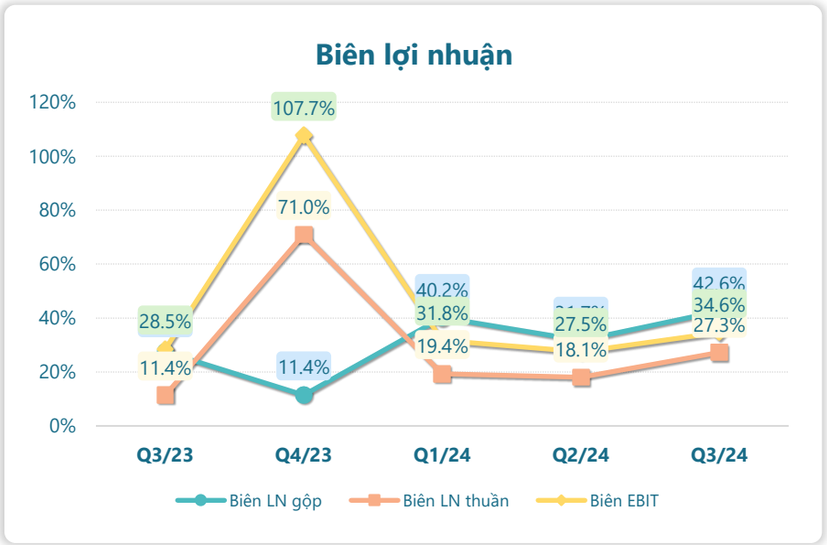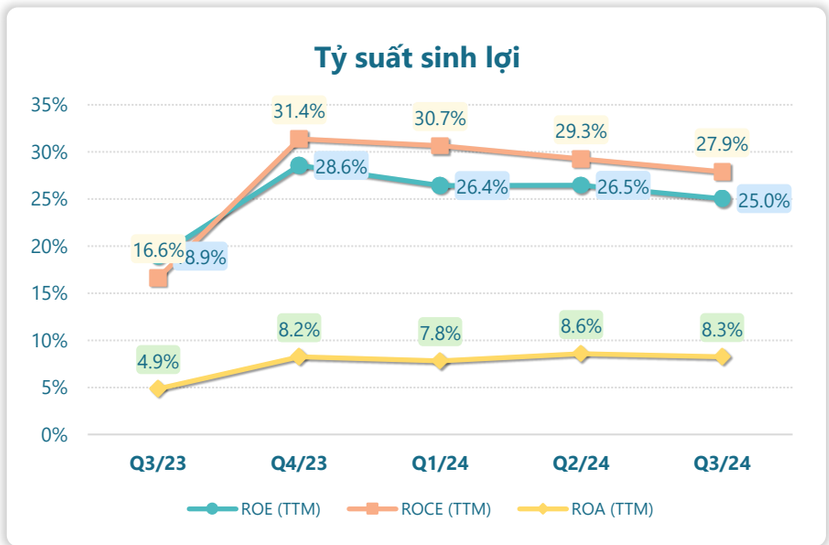
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,432**	**1,521**	**-5.9%**	**1,889**	**-24.2%**	**4,194**	**5,034**	**-16.7%**
Giá vốn hàng bán	822	1,039	-20.9%	1,371	-40.0%	2,604	3,887	-33.0%
Lợi nhuận gộp	609	482	26.4%	519	17.4%	1,590	1,147	38.6%
Doanh thu HĐTC	50.4	89.9	-43.9%	35.3	42.9%	213	291	-26.7%
Chi phí TC	165	163	1.5%	232	-28.7%	505	786	-35.7%
Chi phí lãi vay	144	159	-9.2%	196	-26.3%	471	678	-30.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**-11.1**	**100%**
Chi phí bán hàng	69.6	87.1	-20.1%	67.7	2.8%	272	173	57.3%
Chi phí QLDN	**34.5**	**47.6**	**-27.5%**	**38.8**	**-11.1%**	**121**	**122**	**-0.7%**
LN thuần từ HĐKD	390	275	41.9%	215	81.5%	905	347	161%
Lợi nhuận khác	**-39.4**	**-15.7**	**-151%**	**127**	**-131%**	**-68.8**	**366**	**-119%**
LN trước thuế	351	259	35.5%	342	2.6%	837	713	17.3%
Lợi nhuận sau thuế	**351**	**274**	**28.1%**	**325**	**8.0%**	**851**	**710**	**19.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**332**	**263**	**26.1%**	**320**	**3.6%**	**809**	**702**	**15.2%**